

Số: 286/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 210/2021/HNST ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Duyên N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người yêu cầu: Ông Thiệu Bửu H, 1981

Địa chỉ: Phường X, quận Y Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Duyên N, và ông Thiệu Bửu H cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Bà N và ông H** có địa chỉ cư trú ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2008, quyền số I/P12 **ngày 01/12/2008 do Ủy ban nhân dân** Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì **bà N và ông H** là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà **N và ông H** thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không đồng quan điểm và hiện đã sống ly thân. Nay cảm thấy không thể hàn gắn được nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên được công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Thiệu Ngọc H1, sinh ngày 07/3/2011 và Thiệu Gia K sinh ngày 07/11/2012. Hai bên thỏa thuận cả hai con chung sẽ do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Thiệu Ngọc H1 mỗi tháng 2.500.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 05/2021 cho đến khi trẻ H1 đủ 18 tuổi. Đối với trẻ Thiệu Gia K, bà N không cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Thiệu Gia K cho bà Nguyễn Thị Duyên N do ông Thiệu Bửu H không yêu cầu.

Xét thấy hai bên tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với nguyện vọng của các con và không trái quy định của pháp luật nên được công nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Duyên N do ông Thiệu Bửu H mỗi người chịu $\frac{1}{2}$.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Duyên N và ông Thiệu Bửu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Thiệu Ngọc H1, sinh ngày 07/3/2011 và Thiệu Gia K, sinh ngày 07/11/2012. Ông Thiệu Bửu H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Thiệu Ngọc H1 và Thiệu Gia K.

Bà Nguyễn Thị Duyên N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thiệu Ngọc H1 mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi trẻ H1 đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Thiệu Gia K cho bà Nguyễn Thị Duyên N do ông Thiệu Bửu H không yêu cầu.

Kể từ ngày ông Thiệu Bửu H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Duyên N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà Nguyễn Thị Duyên N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Duyên N và ông Thiều Bửu H mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0069259 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường X, quận Y
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Lê Diễm Thúy